

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 3 NĂM GẦN NHẤT

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 3 năm

1.1 Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm

- Tổng lợi nhuận hợp nhất Tập đoàn giai đoạn 3 năm (2016-2018) đạt 15.742 tỷ đồng, đạt tỷ lệ tăng trưởng bình quân 24,8%/năm.
- Tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn giai đoạn 3 năm (2016-2018) đạt 164.676 tỷ đồng đạt tỷ lệ tăng trưởng bình quân 2,4%/năm.
- Nộp ngân sách nhà nước giai đoạn 3 năm (2016-2018) đạt 11.532 tỷ đồng.

1.2 Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm 03 năm

Trong giai đoạn 2016 - 2018, VNPT đã tập trung đẩy mạnh quy hoạch mạng lưới và dịch vụ, đầu tư phát triển cho năng lực mạng lưới và dịch vụ VT-CNTT với công nghệ hiện đại, dịch vụ tốt nhất đáp ứng các yêu cầu SXKD và làm nền tảng sẵn sàng cho sự phát triển, mở rộng trong giai đoạn tiếp theo của Tập đoàn. Diễn hình là triển khai cung cấp chính thức dịch vụ di động 4G, mở rộng mạng truy nhập cáp quang, dịch vụ FTTH dựa trên công nghệ GPON được triển khai rộng khắp trên cả nước. Các mạng truyền dẫn DWDM, mạng IP, MAN-E, dịch vụ GTGT, IDC và hạ tầng CNTT,... đều đã được lập và phê duyệt quy hoạch cấu trúc và kế hoạch phát triển.

Trong giai đoạn này, VNPT đã triển khai thực hiện đầu tư tăng cường năng lực cơ sở hạ tầng mạng lưới, tập trung nguồn lực để đầu tư mở rộng vùng phủ sóng đi đôi với bảo đảm chất lượng mạng di động, đầu tư các dự án hạ tầng băng rộng cố định đáp ứng yêu cầu phát triển các dịch vụ truy nhập băng rộng FTTH, đảm bảo truyền tải cho 4G LTE và phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng trên nền di động, băng rộng cố định, đầu tư phát triển các dịch vụ CNTT, phân tích dữ liệu Big data, IPTV, Multimedia, tích hợp VT-CNTT.

Các dự án đầu tư được kiểm soát chặt chẽ (từ khâu chấp thuận chủ trương) đảm bảo đáp ứng đúng yêu cầu về quy hoạch mạng lưới và định hướng phát triển của Tập đoàn. Các dự án đầu tư phát triển được chú trọng triển khai theo tiến độ để đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường.

1.3 Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm

Triển khai Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 10/6/2014; số 2129/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phương án cơ cấu lại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giai đoạn 2018-2020, VNPT đã thực hiện:

- Thành lập Công ty Công nghệ thông tin VNPT (VNPT-IT) từ tháng 03/2018, sáp xếp lại nguồn lực CNTT nội bộ VNPT tập trung về Công ty VNPT-IT với tổng số nhân lực Công nghệ thông tin khoảng 1.200 người. Công ty VNPT-IT có 14 đơn vị trực thuộc (kể cả 05 Trung tâm khu vực tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Tiền Giang), quản lý và phát triển, cung cấp trên 100 sản phẩm, giải pháp công nghệ thông tin quan trọng của VNPT trong các lĩnh vực Chính phủ điện tử, Giáo dục điện tử, Y tế điện tử, Quản trị doanh nghiệp, Tích hợp giải pháp, các dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin...;
- Sáp nhập Bệnh viện Phục hồi Chức năng Bưu điện vào Bệnh viện Bưu điện, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm từ 01/04/2018. Năm 2018, sau khi sáp nhập Bệnh viện Phục hồi Chức năng Bưu điện, doanh thu Bệnh viện Bưu điện đạt 990 tỷ đồng tăng 19% so với năm 2017; lợi nhuận đạt xấp xỉ 48,4 tỷ đồng;
- Thực hiện cơ cấu lại hoạt động kinh doanh quốc tế của Công ty Viễn thông Quốc tế (VNPT-I) từ 01/04/2018: (1) nhiệm vụ và nguồn lực quản lý hệ thống vệ tinh Vinasat 1, Vinasat 2 để chuyển về Tổng công ty VNPT-Net; (2) chuyển Công ty Viễn thông quốc tế (phần còn lại sau khi tách) về làm đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty VNPT- Vinaphone. Đến nay, các nhiệm vụ và nguồn lực nêu trên đã được các đơn vị tiếp nhận và tổ chức thực hiện hiệu quả, không ảnh hưởng tới việc phục vụ khách hàng;
- Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện VNPT tại thành phố Hồ Chí Minh từ 01/05/2018. Các nhiệm vụ và nguồn lực được bàn giao cho Viễn thông thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục quản lý, thực hiện từ 01/05/2018.
- Thực hiện thoái 100% vốn của VNPT tại Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện.

1.4 Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình SXKD của VNPT

Năm 2018, kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, tăng trưởng thương mại toàn cầu đạt thấp, giá dầu tăng cao, đồng đô la Mỹ biến động mạnh dẫn đến giá một số mặt hàng thiết yếu có xu hướng tăng trở lại. Tình hình kinh tế - xã hội trong nước tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định; đồng thời còn có những khó khăn, thách thức như áp lực lạm phát, số doanh nghiệp tạm dừng kinh doanh tăng cao, thiên tai, lũ lụt diễn biến phức tạp.

Chính sách quản lý thị trường viễn thông của Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT&TT) trong năm 2018 có nhiều thay đổi, tác động đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp viễn thông như (1) Chính sách giảm khuyến mại dịch vụ di động từ 50% xuống 20% áp dụng từ tháng 3/2018; (2) Chính sách giảm cước kết nối áp dụng từ tháng 5/2018; (3) Chính sách chuyển đổi mã mạng áp dụng từ tháng 9/2018; (4) Chính sách chuyển mạng giữ số. Việc triển khai các chính sách trên đã tác động đến kết quả hoạt

động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Viễn thông nói chung trong đó có Tập đoàn VNPT.

Nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông cơ bản (thoại, SMS,...) đang ở thời kỳ suy thoái, nhu cầu sử dụng giảm. Nhóm dịch vụ số, CNTT đang trong thời kỳ phát triển nhưng bị tác động nhiều từ hoạt động cạnh tranh giữa các doanh nghiệp viễn thông (qua các chính sách cước, chính sách bán hàng,...), hệ thống chính sách của nhà nước chưa đầy đủ, chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia kinh doanh nên phần nào ảnh hưởng đến kết quả chung của các doanh nghiệp.

Với xu hướng phát triển của công nghệ, của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 các doanh nghiệp viễn thông trong đó có Tập đoàn VNPT đã chú trọng đầu tư cả về hạ tầng và con người để chuyển dịch từ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sang doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số, dịch vụ CNTT. Tuy nhiên trong giai đoạn đầu để triển khai cung cấp các dịch vụ CNTT cho khách hàng đặc biệt là khối khách hàng Chính phủ, sở ban ngành, UBND còn gặp nhiều khó khăn do hệ thống chính sách quy định của Nhà nước về hoạt động cho thuê sản phẩm dịch vụ CNTT chưa đầy đủ theo hướng tạo điều kiện để các doanh nghiệp có thể đẩy mạnh phát triển cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực này.

Biểu 1: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp

đ/v: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	KH 2019
1	Doanh thu hợp nhất	53.136	55.830	55.711	56.784
2	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	4.140	5.156	6.446	7.090
3	Nộp ngân sách	3.600	3.445	4.487	4.926
4	Sản phẩm dịch vụ công ích				
5	Kế hoạch đầu tư phát triển	10.900	10.700	15.668	12.200
5.1	Nguồn vốn ngân sách				
5.2	Vốn vay				
5.3	Vốn khác	10.900	10.700	12.763	12.200
6	Tổng lao động	39.189	38.042	23.309	23.300
7	Tổng quỹ lương	8.637	10.014	10.500	11.275
7.1	Quỹ lương quản lý	9,9	12,1	12	10
7.2	Quỹ lương lao động	8.627	10.002	10.488	11.265

2. Tình hình đầu tư tại các công ty con

2.1 Danh sách các công ty con VNPT nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

- Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone);
- Tổng công ty Truyền thông (VNPT-Media);
- Công ty Cổ phần Truyền thông quảng cáo đa phương tiện (SMJ);
- Công ty TNHH MTV Cáp quang (Focal);
- Công ty cổ phần Công nghệ Công nghiệp BCVT (VNPT-Technology);

- Công ty cổ phần Vật tư Bưu Điện (POSTMASCO);
- Công ty cổ phần Dịch vụ Số liệu Toàn cầu (GDS);
- Công ty cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT Land).

2.2 Tình hình đầu tư vốn vào các công ty này năm 2018: Tập đoàn không phát sinh các khoản đầu tư mới vào các công ty.

2.3 Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính năm 2018 của các công ty:

2.3.1 VNPT-Vinaphone

- Lợi nhuận đạt 1.558 tỷ đồng đạt 100,2% kế hoạch.
- Doanh thu đạt 42.134 tỷ đồng 94,2% kế hoạch.

2.3.2 VNPT-Media

- Lợi nhuận đạt 141,3 tỷ đồng đạt 117,8% kế hoạch.
- Doanh thu đạt 1.529 tỷ đồng 117,6% kế hoạch.

2.3.3 Công ty cổ phần Công nghệ Công nghiệp BCVT

- Lợi nhuận đạt 27,2 tỷ đồng bằng 14,36% kế hoạch.
- Doanh thu đạt 3.348 tỷ đồng bằng 84,3% kế hoạch.

2.3.4 Công ty cổ phần Vật tư Bưu Điện

- Lợi nhuận đạt 4,1 tỷ đồng bằng 67,8% so kế hoạch.
- Doanh thu đạt 99,7 tỷ đồng bằng 67,8% kế hoạch.

2.3.5 Công ty Cổ phần Truyền thông Quảng cáo đa phương tiện

- Lợi nhuận đạt 3,4 tỷ đồng bằng 51,8% kế hoạch.
- Doanh thu đạt 46,4 tỷ đồng bằng 53,7% kế hoạch.

2.3.6 Công ty TNHH MTV Cáp quang(Focal)

- Lợi nhuận đạt 3,3 tỷ đồng bằng 52,1% kế hoạch.
- Doanh thu đạt 350,6 tỷ đồng bằng 81,3% kế hoạch.

2.3.7 Công ty cổ phần Dịch vụ Số liệu Toàn cầu

- Lợi nhuận đạt 30,2 tỷ đồng bằng 110,4% kế hoạch.
- Doanh thu đạt 109,5 tỷ đồng bằng 100,2% kế hoạch.

2.3.8 Công ty cổ phần Bất động sản Bưu chính Viễn thông VN

- Lợi nhuận 732 triệu đồng bằng 122% kế hoạch.
- Doanh thu đạt 4,9 tỷ đồng bằng 66,4% kế hoạch.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



eOffice:

Tô Mạnh Cường

Biểu số 2: Tình hình đầu tư tại các công ty con do công ty Mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2016		Thực hiện năm 2017		Thực hiện năm 2018		Kế hoạch năm 2019	
		Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)
Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)									
1	VNPT-Vinaphone	5.200 ¹	56,5	2.939	57,0	2.963	5200	60,1	3.126
2	VNPT-Media	2.300 ²	33,6	773	2.300	808	2.300	72,4	1.665
3	Công ty TNHH MTV cáp quang	50	100,0	50	50	100,0	50	100,0	50
Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)									
1	CTCP Công nghệ Công nghiệp BCVT	500	96,9	278	500	96,9	278	500	96,9
2	CTCP Dịch vụ Số liệu Toàn cầu	375	50,7	190,1	375	50,7	190,1	375	50,7
3	CTCP Bất động sản Bưu chính Viễn thông VN	500	79	140	500	79	140	500	79
4	CTCP Vật tư Bưu Điện	18	51	9,18	18	51	9,18	18	51
5	Công ty cổ phần Truyền thông Quảng cáo đa phương tiện	99,6	48,1	99,6	48,1	90	53,3	48	90

¹ Theo điều lệ tạm thời của Tổng công ty
² Theo điều lệ tạm thời của Tổng công ty